

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HS-ST
Ngày: 11-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ánh và ông Trần Thế Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nhất Huân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phúc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Quảng Trị; Địa chỉ số F N, phường Q, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị đối với bị cáo:

TRẦN THẮNG SƠN, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2007, tại Quảng Trị; nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T, sinh năm 1970 và con bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981, đều trú tại thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội (16/02/2025), bị cáo được 17 tuổi, 06 tháng, 23 ngày.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/6/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thùy L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Bà Lê Thị H1, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Cháu Lê Minh N, sinh ngày 11/6/2012; nơi cư trú: Thôn P, phường P, thành phố H, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Minh N: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn P, phường P, thành phố H; là mẹ ruột của cháu N, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Đại diện trường Tiểu học và Trung học cơ sở L2, phường P, thành phố H: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1982; giáo viên Trường Tiểu học L2, phường P, thành

phố H, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 15 giờ ngày 16/02/2025, Trần Thắng S (không có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74F1-099.53 thuộc sở hữu của ông Trần T (là bố của S) đi tới quán “*Thuận H2*” địa chỉ ở thôn P, phường P, thành phố H để uống bia với bạn bè. Sau đó khoảng 19 giờ ngày 16/02/2025, S tiếp tục cùng nhóm bạn lái xe đến quán Karaoke “*Tình cờ*” ở thôn P, phường P, thành phố H để tiếp tục ca hát, uống bia. Khoảng 21 giờ cùng ngày S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74F1-099.53 không bật đèn chiếu sáng, chở theo sau cháu Lê Minh N lưu thông trên Quốc lộ A hướng Bắc - N. Khi đến K + 300 Quốc lộ A thuộc địa phận thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị. Khu vực này có biển báo nguy hiểm, nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ, có gờ giảm tốc độ và có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ. Lúc này, Trần Thắng S vẫn giữ nguyên tốc độ và quay đầu về phía sau để nói chuyện với Lê Minh N nên đã tông vào xe đạp do bà Lê Thị H1 đang điều khiển xe đạp qua đường để đi vào làng C thì gây ra tai nạn tại vị trí ở vạch kẻ đường chia làn đường dành cho xe cơ giới và xe thô sơ. Hậu quả: cháu Lê Minh N và bà Lê Thị H1 bị thương, hai phương tiện bị hư hỏng.

Tại bản Kết luận giám định số 382/KL-KTHS ngày 24/3/2025, của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận:

- *Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe mô tô BKS 74F1-099.53 với xe đạp là: Phần bên trái phía trước xe mô tô BKS 74F1-099.53 gồm các bộ phận: Bánh xe, mép vành, đai ốc cố định phuộc va chạm tương ứng với phần bên phải xe đạp gồm các bộ phận: Khung xe, hộp xích.*

Xe mô tô BKS 74F1-099.53 tác động so với xe đạp hướng từ sau tới trước, từ phải sang trái.

- *Vị trí va chạm đầu tiên trên hiện trường giữa xe mô tô BKS 74F1-099.53 với xe đạp là: Phía trước điểm đầu dấu vết ký hiệu số (1) được ghi nhận và mô tả trong hồ sơ khám nghiệm.*

- *Không có cơ sở để xác định tốc độ của xe mô tô BKS 74F1-099.53 và xe đạp tại thời điểm xảy ra tai nạn.*

- *Tại thời điểm xảy ra va chạm xe mô tô BKS 74F1-099.53 có hướng chuyển động từ thành phố Đ đến thành phố H, không có cơ sở xác định hướng chuyển động của xe đạp.*

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 59/KLTTCT-TTPY ngày 29/4/2025, của Trung tâm Pháp y tỉnh Q, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Minh N tại thời điểm giám định là 22%.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 61/KLTTCT-TTPY ngày 29/4/2025, của Trung tâm Pháp y tỉnh Q, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thị H1 tại thời điểm giám định là 49% .

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 10/5/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: Trị giá thiệt hại

của xe mô tô biển kiểm soát 74F1-099.53 tại thời điểm ngày 16/02/2025 là: 1.424.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS, ngày 10/5/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: Trị giá thiệt hại của xe đạp Asuma tại thời điểm ngày 16/02/2025 là: 508.000 đồng.

Tại Phiếu trả kết quả xét nghiệm ngày 17/02/2025 của Bệnh viện T2, kết luận: “*Trần Thắng S có nồng độ cồn trong máu là 36,2 mmol/L.*”

Cáo trạng số 01/CT-VKSKV6 ngày 12/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị truy tố Trần Thắng S về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 90, 91 Bộ luật Hình sự; Điều 12, 115, 119, 124, 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên xử phạt Trần Thắng S từ 18 đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách ấn định theo quy định pháp luật; về án phí: bị cáo Trần Thắng S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Trần T (chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 74F1-099.53) không có hành vi giao xe và không biết việc Trần Thắng S tự ý lấy xe để sử dụng nên không xem xét xử lý trách nhiệm của ông T.

Về trách nhiệm dân sự: các bên đã thỏa thuận bồi thường xong phần dân sự nên không xem xét.

Tại phần tranh luận:

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thùy L hoàn toàn thống nhất với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị và quan điểm của Vị kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đề nghị. Bị cáo là người chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các quy định pháp luật về người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội tương tự.

Bị cáo Trần Thắng S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để được học nghề.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không

có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Vào khoảng 21 giờ ngày 16/02/2025, tại Km 791 + 300 Quốc lộ A thuộc địa phận thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị, Trần Thắng S không có giấy phép lái xe, trong máu có nồng độ cồn là 36.2 mmol/L, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74F1-099.53 chở theo cháu Lê Minh N không quan sát về phía trước, không giảm tốc độ hoặc dừng lại để đảm bảo an toàn khi qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ, không bật đèn chiếu sáng trong khung giờ quy định, nên đã tông vào bên phải xe đạp do bà Lê Thị H1 đang điều khiển đi qua đường ở vị trí đây phân cách giữa xe thô sơ và xe cơ giới làm 02 người bị thương với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 71%, gây thiệt hại về tài sản của xe mô tô biển kiểm soát 74F1-099.53 và xe đạp với tổng số tiền là 1.932.000 đồng. Hành vi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74F1-099.53 của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9; điểm d khoản 3 Điều 12 và khoản 1 Điều 20 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, hoàn toàn có lỗi và đó cũng là nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông này. Do đó, bị cáo Trần Thắng S đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015.

“Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...
b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định.

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định,...

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Lê Thị H1 và được bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt nên cần được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo S là rất nghiêm trọng, trong tình trạng bản thân không còn tỉnh táo (nồng độ cồn 36.2 mmol/L) bị cáo vẫn liên tục lái xe qua nhiều địa điểm, không bật đèn chiếu sáng, không chú ý quan sát khi lái xe dẫn đến tai nạn giao thông làm tổn thương sức khỏe cho bà H1 và cháu N. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại cho sức khỏe, tài sản của người khác mà còn

gây mất trật tự an toàn nơi công cộng. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng do tính cầu thả, xem thường pháp luật nên đã gây ra tai nạn. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án với mức án nghiêm mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên tại quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt nên cần được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Ngoài ra bị cáo S là người chưa thành niên nên khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự và Luật tư pháp người chưa thành niên quy định về đường lối xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội tương tự. Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cũng như hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Trần Thắng S có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo bị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, vì vậy cần phải ban hành Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” số 18/2025/LCĐKNCT-TA ngày 14/11/2025 của Tòa án đối với bị cáo Trần Thắng S theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại đã được nhận lại đầy đủ tài sản, bị cáo S đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại bà Lê Thị H1 số tiền 20.000.000 đồng, bà H1 đã nhận đủ tiền và không có yêu gì thêm. Đối với bị hại cháu Lê Minh N và đại diện hợp pháp của cháu N không yêu cầu gì về vấn đề dân sự. Các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối ông Trần T là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 74F1-099.53, vào ngày 16/02/2025, ông T để xe ở nhà thì bị cáo S tự ý lấy xe đi chơi, gây tai nạn giao thông. Ông T không giao xe cho bị cáo sử dụng, việc bị cáo S tự ý lấy xe tham gia giao thông, gây tai nạn ông T (bố bị cáo) hoàn toàn không biết nên không xem xét trách nhiệm đối với ông T. Cơ quan điều tra đã trả lại xe đạp cho bà H1 và xe mô tô cho ông T và không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 90, 91 Bộ luật Hình sự; Điều 12, 115, 119, 124, 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, tuyên xử:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo **Trần Thắng S** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Xử phạt bị cáo **Trần Thắng S 18** (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **36** (ba sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/12/2025.

3. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” số 18/2025/LCĐKNCT-TA ngày 14/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Trị đối với bị cáo **Trần Thắng S**.

Giao bị cáo **Trần Thắng S** cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách của án treo, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo **Trần Thắng S** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 6 - Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Phan Đăng Khoa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa